

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THANH HÓA

Căn cứ: - Khoản 2 Điều 29; 149; 212; 213; 361; 397 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51; 55; 81; 82; 83; 110; 116; 117 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/NQ-BTVQH14 quy định về án phí, lệ phí
Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 375/2026/TLST-VHNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2026 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”.

Đối với những người yêu cầu:

1. Anh Dư Công T - sinh năm 1984.

CCCD số: 038xxx246, BCA cấp ngày 31/3/2025.

2. Chị Nguyễn Thị T1 - sinh năm 1984.

CCCD số: 038xxx021, BCA cấp ngày 19/9/2024.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố K, phường S, tỉnh Thanh Hoá

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về hôn nhân: Anh T và chị T1, đăng ký kết hôn năm 2007, tại UBND xã Q, huyện Q1, (Nay là phường S), tỉnh Thanh Hoá. Quá trình hôn nhân vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 2 con chung là cháu Dư Công T K, sinh ngày 07/3/2009; Dư Thị Quỳnh N, sinh ngày 09/10/2012. (Cháu K và cháu N cũng có nguyện vọng được ở với chị T1) nên khi hôn anh T và chị T1 thống nhất giao cháu K và cháu N cho chị T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cháu K và cháu N mỗi tháng mỗi cháu là 2.500.000đồng, (5 triệu đồng trên một tháng cho hai cháu), kể từ tháng 7/2026 cho đến khi cháu K và cháu N đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật.

Về điều kiện nuôi con: Anh T trình bày, hiện nay anh làm nghề buôn bán tự do, cụ thể là làm nghề buôn bán bất động sản, mỗi tháng thu nhập từ khoảng 10 triệu đến 15 triệu đồng, có nhà ở ổn định tại Tổ dân phố K, phường S, tỉnh Thanh Hoá, đảm bảo việc cấp dưỡng cho cháu K và cháu N cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật.

Chị T1 trình bày, hiện nay làm nghề nhân viên hành chính trường Tiểu học Q,

phường S, tỉnh Thanh Hóa, thu nhập 8.000.000 đồng/tháng, kể từ khi vợ chồng ly thân 3 mẹ con về sống cùng nhà ở với bố mẹ đẻ của chị T1 tại Khu phố X, phường S, tỉnh Thanh Hóa, đảm bảo cho việc nuôi các con cho đến khi đủ tuổi thành niên theo quy định của pháp luật.

Anh T có quyền thăm nom giáo dục con chung mà các thành viên bên gia đình chị T1 không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về lệ phí: Anh T và chị T1, thỏa thuận, thống nhất chị T1 chịu lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, việc thỏa thuận giữa các đương sự nêu trên là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật nên được xem xét chấp nhận.

Đã hết 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. *Về hôn nhân:* Anh Dư Công T và Chị Nguyễn Thị T1, được thuận tình ly hôn.

2. *Về con chung:* Khi anh T và chị T1 ly hôn thì giao cháu Dư Công T K, sinh ngày 07/3/2009 và cháu Dư Thị Quỳnh N, sinh ngày 09/10/2012 cho chị T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu K và cháu N đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu K và cháu N cùng với chị T1, mỗi tháng 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) cho một cháu, hai cháu là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) trên một tháng kể từ tháng 7 năm 2026 cho đến khi cháu K và cháu N đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật. Anh T có quyền thăm nom giáo dục con chung mà các thành viên bên gia đình chị T1 không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

4. Về lệ phí: Anh T và chị T1, thỏa thuận, thống nhất chị T1 chịu lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị T1 đã nộp theo biên lai thu số 0000246 ngày 08/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. (Chị T1 đã nộp đủ tiền lệ phí).

II. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND.P. S, Thanh Hóa;
- VKSNDKV4, Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Thuyên